

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/DS-PT

Ngày 23 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực
hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng;

Ông Trần Văn Mười.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1158/2019/QĐ - PT ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1955. (có mặt)

Tạm trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ cư trú: G St- City A- CA 92804- C - USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Ngô Minh Th, sinh năm 1952. (có mặt)

Cư trú: khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Hữu H, sinh năm 1959 (chết 2016).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H:

1/. Ông Tăng Vạn Ph, sinh năm 1959. (Có mặt)

2/. Ông Tăng Vạn A, sinh năm 1984. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/. Bà Tăng Ngọc Kim Th, sinh năm 1987. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: đường Nguyễn Thượng H, phường B1, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tăng Vạn Ph: Luật sư Nguyễn Văn K – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Tăng Vạn Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Ngọc T trình bày yêu cầu khởi kiện:

Do có quan hệ bạn bè thân thiết nên ngày 28/04/2011 bà Trần Thị Hữu H ký nhận vay mượn của bà số tiền 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) có thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, không có thời hạn trả tiền. Bà H có trả tiền lãi 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng) đến tháng 02/2015 thì ngưng luôn cho đến nay. Do bà H chết ngày 13/02/2016 nên không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ph là chồng bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H có nghĩa vụ thay bà H trả cho bà số tiền 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi. Bà H có để lại di sản thừa kế là số tiền 173.798.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng) Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang chi trả cho bà H, hiện ông Ph quản lý số tiền này.

Bị đơn bà Trần Thị Hữu H chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Tăng Vạn Ph trình bày:

Ông và bà H chung sống trước năm 1986 đến nay không đăng ký kết hôn, có hai con chung tên Tăng Vạn A (sinh năm 1984) và Tăng Ngọc Kim Th (sinh năm 1987). Bà H chết ngày 13/02/2016 không có di chúc. Khi bà H còn sống vay tiền của bà T ông không biết nên ông không đồng ý đây là nợ chung vợ chồng. Ông xác định biên nhận nợ là chữ viết của bà H còn tiền vay để làm gì ông không biết, ông cho rằng số tiền vay 75.000.000 đồng có lãi cao và khả năng lãi đã trả nhiều hơn vốn vay nhưng do không có chứng cứ nên ông không có yêu cầu phản tố. Đây là nợ riêng của bà H do bà H chết nên số tiền 173.798.000 đồng Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang chi trả cho bà H ông có quản lý sử dụng. Ông Ph cho rằng đã chi hết số tiền này nên không còn tiền để thay nghĩa vụ của bà H trả nợ cho bà T. Ông đã chi trả tiền ma chay 56.980.000 đồng, trả tiền nợ chung vợ chồng mượn của bà Ngô Thị Ng 50.000.000 đồng, trả cho ông Kh 100.000.000 đồng, vợ chồng vay để trị bệnh cho bà H. Ông Ph không được thừa hưởng di sản thừa kế nào khác của bà H nên ông không đồng ý thay nghĩa vụ của bà H trả tiền cho bà T.

Ông Tăng Vạn A và bà Tăng Ngọc Kim Th con của bà H không có ý kiến .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định như sau:

- Căn cứ các Điều 166, Điều 440, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 44, Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T:

- Bà Lê Ngọc T tự nguyện tặng cho bà Trần Thị Hữu H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Ông Tăng Vạn Ph thay nghĩa vụ của bà Trần Thị Hữu H trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bà Lê Ngọc T, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/5/2018, ông Tăng Vạn Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph trình bày: Giao dịch của bà H với bà T, ông Ph không biết và không thừa nhận. Số tiền ông Ph nhận từ Bảo hiểm xã hội đã trả cho ông Kh, bà Ng và chi trả đám ma hết. Bà T khởi kiện ông Ph với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là không đúng. Đề nghị Hội đồng sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.
- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tăng Vạn Ph trả cho bà Lê Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tăng Vạn Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Tăng Vạn Ph nộp trong hạn luật định, đã đóng

án phí đầy đủ, là hợp lệ nên có cơ sở chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Ph đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T về việc yêu cầu ông phải trả khoản nợ do bà Trần Thị Hữu H để lại. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Giữa bà Lê Ngọc T với bà Trần Thị Hữu H có xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 75.000.000 đồng thể hiện qua biên nhận ngày 28/4/2011 do bà H xác lập. Bà T xác định vay có lãi suất 2%/tháng, vay không kỳ hạn. Bà H có trả lãi được 18.000.000 đồng đến tháng 02/2015 bà H ngưng không trả lãi đến nay. Ngày 29/7/2015, bà T khởi kiện yêu cầu bà H liên đới trách nhiệm cùng chồng là ông Ph trả cho bà số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H không có văn bản trình bày ý kiến.

[2.2] Ngày 13/02/2016, bà H chết, bà T yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Ph là chồng bà H đang quản lý số tiền 173.798.000 đồng là di sản thừa kế của bà H để lại nên phải có trách nhiệm thay bà H trả nợ cho bà T. Tại cấp sơ thẩm, ông Th người đại diện ủy quyền của bà T tự nguyện tặng cho bà H số tiền 25.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của bà T đối với nội dung này. Đồng thời, bà T – do ông Th đại diện, yêu cầu ông Ph thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà H trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[2.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Ph và bà H sống chung vợ chồng trước năm 1984, không đăng ký kết hôn nhưng có hai con chung là Tăng Vạn A và Tăng Ngọc Kim Th, đây là quan hệ hôn nhân thực tế. Ngày 13/2/2016 bà H chết, xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H có chồng là ông Ph và 02 con là A và Th.

Tòa sơ thẩm xác định tư cách ông Ph và các con của bà H là bị đơn với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Sau khi bà H chết không để lại di chúc, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có chi trả số tiền 173.798.000 đồng, đây được xác định là di sản của bà H để lại.

Bà H và ông Ph có nợ chung đối với bà Ngô Thị Ng 30.000.000 đồng, đối với ông Hồ Duy Khiêm 100.000.000 đồng. Như vậy, bà H còn có nghĩa vụ trả số nợ 65.000.000 đồng, trong số nợ chung với ông Ph.

Số tiền chi phí mai táng cho bà H là 56.980.000 đồng, đây là chi phí hợp lý nên ghi nhận.

Như vậy, di sản của bà H để lại sau khi trừ đi chi phí mai táng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ông Kh, bà Ngàn là 51.818.000 đồng. Số tiền này phải được dùng để thực hiện nghĩa vụ còn lại của bà H đối với bà T theo hợp đồng vay đã thực hiện.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông Ph hiện đang quản lý số tiền bảo hiểm xã hội của bà H nên chỉ buộc ông Ph thực hiện trách nhiệm là không đúng quy định pháp luật. Người được hưởng di sản của bà H cũng như thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại được xác định là ông Tăng Vạn Ph và 02 con Tăng Vạn A và Tăng Ngọc Kim Th. Do đó, cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn liên đới thực hiện nghĩa vụ.

[3] Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Tăng Vạn Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Tăng Vạn Ph. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Áp dụng Điều 166, Điều 440, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 44, Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

1/. Ghi nhận bà Lê Ngọc T tự nguyện tặng cho bà Trần Thị Hữu H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc T:

Buộc ông Tăng Vạn Ph, ông Tăng Vạn A, bà Tăng Ngọc Kim Th phải liên đới thực hiện nghĩa vụ của bà Trần Thị Hữu H trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bà Lê Ngọc T, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tăng Vạn Ph, ông Tăng Vạn A, bà Tăng Ngọc Kim Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Ngọc T số tiền 1.200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã đóng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0003638 ngày 07/11/2017 và 937.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã đóng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0009253 ngày 01/10/2015.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Tăng Vạn Ph 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008377 ngày 25/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5/. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan

thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 377; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2). 14b. MSL38.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy